

Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương

Báo cáo Tài chính cho năm tài chính
kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010
kèm theo Báo cáo Kiểm toán Độc lập

Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương

Báo cáo Tài chính cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mục lục

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1
Báo cáo Kiểm toán Độc lập	3
Bảng Cân đối Kế toán	4
Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh	6
Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ	7
Thuyết minh Báo cáo Tài chính	8

Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương

Báo cáo Tài chính cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương ("Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.

1. Thông tin về Công ty

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103013346 ngày 31 tháng 7 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã được sửa đổi như sau:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

Số:0103013346 ngày 12 tháng 10 năm 2007

Số:0103013346 ngày 11 tháng 3 năm 2008

Số:0103013346 ngày 16 tháng 10 năm 2008

Số:0103013346 ngày 21 tháng 07 năm 2010

Nội dung sửa đổi

Thay đổi ngành nghề kinh doanh và số cổ phần của cổ đông sáng lập

Thay đổi ngành nghề kinh doanh và số cổ phần của cổ đông sáng lập

Thay đổi ngành nghề kinh doanh

Thay đổi địa chỉ đăng ký kinh doanh

Vốn điều lệ của Công ty ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 500 tỷ đồng.

Hiện nay, cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hà Nội với mã chứng khoán là API.

1.2. Địa chỉ Công ty

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số Tầng 6, Tòa nhà APEC số 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

1.3. Lĩnh vực và hoạt động kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực: Dịch vụ tư vấn đầu tư trong và ngoài nước; Tư vấn, môi giới, kinh doanh bất động sản; Tư vấn về quản lý kinh doanh, chiến lược kinh doanh; Nghiên cứu, phân tích thị trường; Tư vấn mua, bán, sáp nhập doanh nghiệp, cổ phần hoá; Tư vấn lập và quản lý dự án đầu tư; Dịch vụ môi giới, xúc tiến thương mại; Dịch vụ tổ chức sự kiện, hội nghị, hội thảo, triển lãm; Dịch vụ quan hệ công chúng; Quảng cáo thương mại và phi thương mại; Nhận ủy thác đầu tư; dịch vụ đánh giá hiệu quả kinh tế dự án; Dịch vụ cầm đồ; Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu; Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa.

1.4. Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty có 26 nhân viên (2009: 21 nhân viên).

2. Báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 được kèm theo báo cáo này.

3. Đơn vị kiểm toán

Đơn vị kiểm toán, Chi nhánh công ty TNHH DFK Việt Nam, đã kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, sẵn sàng chấp thuận được tiếp tục chỉ định là đơn vị kiểm toán của Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương

Báo cáo Tài chính cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

4. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Thành viên của Hội đồng quản trị Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Đỗ Lãng	Chủ tịch	28 tháng 1 năm 2007	-
Ông Nguyễn Mạnh Hào	Thành viên	28 tháng 1 năm 2007	-
Ông Nguyễn Duy Khanh	Thành viên	28 tháng 1 năm 2007	-
Bà Huỳnh Thị Mai Dung	Thành viên	28 tháng 1 năm 2007	-
Ông Đinh Văn Hùng	Thành viên	28 tháng 1 năm 2007	26 tháng 1 năm 2009
Ông Đặng Anh Tuấn	Thành viên	19 tháng 6 năm 2010	-

Thành viên của Ban Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Duy Khanh	Tổng Giám đốc	15 tháng 6 năm 2007	-
Ông Vũ Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc	30 tháng 6 năm 2007	1 tháng 1 năm 2009
Ông Trần Việt Hùng	Phó Tổng Giám đốc	30 tháng 6 năm 2007	-
Ông Nguyễn Thế Công	Phó Tổng Giám đốc	6 tháng 5 năm 2009	-
Bà Vũ Thị Kim Liên	Kế toán trưởng	10 tháng 11 năm 2009	10 tháng 8 năm 2010
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Kế toán trưởng	10 tháng 8 năm 2010	-

5. Sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán

Ban Giám đốc Công ty xác định không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ khi kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

6. Xác nhận của Ban Giám đốc

Tôi, Nguyễn Duy Khanh, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương, đại diện cho Ban Giám đốc xác nhận rằng, theo ý kiến của Ban Giám đốc, bảng cân đối kế toán kèm theo của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, và các báo cáo liên quan về kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

NGUYỄN DUY KHANH

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 2 năm 2011

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: 10-01-061

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương**

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương (“Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, và các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, như được trình bày từ trang 4 đến trang 22. Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính dựa vào quá trình kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế được chấp nhận tại Việt Nam. Các chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và tiến hành kiểm toán nhằm có được cơ sở hợp lý để kết luận rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai phạm và sai sót trọng yếu. Quá trình kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng hỗ trợ cho các số liệu và giải trình trong các báo cáo tài chính. Quá trình kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán được sử dụng và các ước tính quan trọng do bộ phận quản lý thực hiện, cũng như cách trình bày báo cáo tài chính nói chung. Chúng tôi tin rằng quá trình kiểm toán đã cung cấp các cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên mọi khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, và kết quả kinh doanh cũng như lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Như được trình bày tại Thuyết minh 2.2, các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty theo các nguyên lý và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các quốc gia và thể chế khác ngoài Việt Nam.

PHẠM THẾ HÙNG
Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên
Số: 0495/KTV

NGUYỄN TIỀN DŨNG
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên
Số: 0800/KTV

HÀ NỘI
Ngày 18 tháng 2 năm 2011

Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương

Bảng Cân đối Kế toán
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	31.12.2010	31.12.2009
A. Tài sản ngắn hạn	100		130.965.519.441	93.932.391.993
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	65.225.027.359	6.875.907.752
1. Tiền	111		825.027.359	875.907.752
2. Các khoản tương đương tiền	112		64.400.000.000	6.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		13.582.581.761	50.510.779.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	4	19.653.224.761	56.581.422.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(6.070.643.000)	(6.070.643.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.335.182.129	16.839.398.704
1. Phải thu khách hàng	131		1.213.866.693	213.477.095
2. Trả trước cho người bán	132		6.976.616.765	8.767.590.500
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		111.179.249	-
5. Các khoản phải thu khác	135	5	8.033.519.422	7.858.331.109
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		35.822.728.192	19.706.306.537
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	13	1.424.830.926	494.583.971
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	6	34.397.897.266	19.211.722.566
B. Tài sản dài hạn	200		135.049.803.735	138.969.334.608
II. Tài sản cố định	220		26.390.816.735	44.004.567.608
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	1.263.599.842	1.435.501.747
- Nguyên giá	222		1.582.230.378	1.628.266.742
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(318.630.536)	(192.764.995)
3. Tài sản cố định vô hình	227	8	5.580.648	18.346.347
- Nguyên giá	228		64.888.000	64.888.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(59.307.352)	(46.541.653)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	25.121.636.245	42.550.719.514
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		108.658.987.000	94.964.767.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	10	14.161.316.000	4.240.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	11	5.477.004.000	4.401.900.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	12	89.020.667.000	86.322.867.000
Tổng cộng tài sản	270		266.015.323.176	232.901.726.601

Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương

Bảng Cân đối Kế toán
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	31.12.2010	31.12.2009
A. Nợ phải trả	300		19.178.703.891	11.745.450.135
I. Nợ ngắn hạn	310		19.178.703.891	11.745.450.135
2. Phải trả cho người bán	312		12.624.270.072	5.210.000.000
3. Người mua trả tiền trước	313		4.839.310.500	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	59.750.348	29.873.987
5. Phải trả người lao động	315		844.306.460	140.179.739
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	14	211.271.168	5.667.268.185
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		599.795.343	698.128.224
B. Vốn chủ sở hữu	400		246.836.619.285	221.156.276.466
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	246.836.619.285	221.156.276.466
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		264.000.000.000	264.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		48.496.600.000	48.496.600.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.268.874.614	1.268.874.614
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		24.751.612	24.751.612
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(66.953.606.941)	(92.633.949.760)
Tổng cộng nguồn vốn	440		266.015.323.176	232.901.726.601

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.

Ngày 18 tháng 2 năm 2011

NGUYỄN DUY KHANH
Tổng Giám đốc

NGUYỄN VĂN HIẾU
Kế toán trưởng

Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương

Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2010	2009
1. Doanh thu	01		-	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần	10		-	-
4. Giá vốn hàng bán	11		-	-
5. Lợi nhuận gộp	20		-	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	16	13.835.112.571	23.335.797.479
7. Chi phí tài chính	22	17	(7.618.596.621)	(11.850.675.656)
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	18	(6.998.535.128)	(5.027.524.493)
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		(782.019.178)	6.457.597.330
11. Thu nhập khác	31	19	27.137.413.961	19.638.364
12. Chi phí khác	32	20	(675.051.964)	(373.742.834)
13. Lợi nhuận khác	40		26.462.361.997	(354.104.470)
14. Lợi nhuận trước thuế	50		25.680.342.819	6.103.492.860
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế	60		25.680.342.819	6.103.492.860
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	21	973	231

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.

Ngày 18 tháng 2 năm 2011

NGUYỄN DUY KHANH
Tổng Giám đốc

NGUYỄN VĂN HIẾU
Kế toán trưởng

Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương

Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ (phương pháp gián tiếp)

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	2010	2009
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	25.680.342.819	6.103.492.860
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	177.591.745	112.184.953
Các khoản dự phòng	03	-	6.031.211.000
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(33.044.379.215)	(17.543.877.479)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(7.186.444.651)	(5.296.988.666)
Thay đổi các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	(15.612.205.080)	(29.498.725.733)
Thay đổi các khoản phải trả	11	7.433.253.756	5.666.450.720
Thay đổi chi phí trả trước	12	-	2.735.544
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(4.375.122.535)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	(230.408.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(15.365.395.975)	(33.732.058.670)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(25.829.886.209)	(4.389.786.203)
2. Thu từ thanh lý tài sản cố định	22	70.093.908.602	-
3. Chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(42.090.265.440)	(9.000.000.000)
4. Thu hồi cho vay, bán công cụ nợ của đơn vị khác	24	48.090.265.440	-
5. Chi góp vốn vào đơn vị khác	25	(36.431.222.761)	(30.436.280.000)
6. Thu hồi vốn góp vào các đơn vị khác	26	48.225.687.207	30.649.696.500
7. Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.656.028.743	8.887.969.479
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	73.714.515.582	(4.288.400.224)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	58.349.119.607	(38.020.458.894)
Tiền tồn đầu năm	60	6.875.907.752	44.896.366.646
Tiền tồn cuối năm	70	65.225.027.359	6.875.907.752

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.

Ngày 18 tháng 2 năm 2011

NGUYỄN DUY KHANH
Tổng Giám đốc

NGUYỄN VĂN HIẾU
Kế toán trưởng

Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

1. Tổ chức và hoạt động chính

Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương (“Công ty”) là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103013346 ngày 31 tháng 7 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã được sửa đổi như sau:

<u>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh</u>	<u>Nội dung sửa đổi</u>
Sửa đổi lần 1 ngày 12 tháng 10 năm 2007	Thay đổi ngành nghề kinh doanh và số cổ phần của cổ đông sáng lập
Sửa đổi lần 2 ngày 11 tháng 3 năm 2008	Thay đổi ngành nghề kinh doanh và số cổ phần của cổ đông sáng lập
Sửa đổi lần 3 ngày 16 tháng 10 năm 2008	Thay đổi ngành nghề kinh doanh
Sửa đổi lần 4 ngày 21 tháng 07 năm 2010	Thay đổi địa chỉ đăng ký kinh doanh

Vốn điều lệ của Công ty ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 500 tỷ đồng.

Hiện nay, cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là API.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 6, Tòa nhà APEC số 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực: Dịch vụ tư vấn đầu tư trong và ngoài nước; Tư vấn, môi giới, kinh doanh bất động sản; Tư vấn về quản lý kinh doanh, chiến lược kinh doanh; Nghiên cứu, phân tích thị trường; Tư vấn mua, bán, sáp nhập doanh nghiệp, cổ phần hoá; Tư vấn lập và quản lý dự án đầu tư; Dịch vụ môi giới, xúc tiến thương mại; Dịch vụ tổ chức sự kiện, hội nghị, hội thảo, triển lãm; Dịch vụ quan hệ công chúng; Quảng cáo thương mại và phi thương mại; Nhận ủy thác đầu tư; dịch vụ đánh giá hiệu quả kinh tế dự án; Dịch vụ cầm đồ; Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu; Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa.

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Cơ sở lập báo cáo

Báo cáo tài chính được lập bằng đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Các nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định về kế toán hiện hành tại Việt Nam. Do đó, bảng cân đối kế toán và các báo cáo liên quan về kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng chúng không được lập cho những người không được thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và phương pháp kế toán của Việt Nam, và hơn nữa, không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ, phù hợp với các nguyên tắc và phương pháp kế toán được thừa nhận chung ở các nước và thể chế khác ngoài Việt Nam.

2.3. Áp dụng Luật Kế toán và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam

a) Luật Kế toán

Trong năm, Công ty đã tuân thủ Luật Kế toán ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2003 và Nghị định kèm theo số 129/2004/NĐ-CP ban hành ngày 31 tháng 5 năm 2004 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kế toán áp dụng trong hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

b) Chuẩn mực Kế toán Việt Nam

Trong năm, Công ty đã áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, và trong phạm vi liên quan, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện.

2.4. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

a) Nguyên tắc xác định các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

Tiền mặt là khoản tồn quỹ tại Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính và có sự đối chiếu với sổ quỹ tiền mặt.

Tiền gửi ngân hàng là các khoản gửi tại các ngân hàng được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được đối chiếu số dư với các ngân hàng này tại ngày kết thúc năm tài chính.

b) Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại ngày kết thúc năm tài chính.

c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND phát sinh trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tương ứng tại ngày giao dịch. Các khoản mục tài sản và công nợ có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác với VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng công bố tại thời điểm cuối năm tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện và đã thực hiện đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi trừ đi dự phòng các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá của Ban Giám đốc về các khoản nợ không có khả năng thu hồi.

Các khoản phải thu khách hàng, trả trước người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo:

- Nếu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới một năm hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Nếu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

2.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khi tài sản được bán hay không được sử dụng nữa, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được loại khỏi tài khoản và lãi lỗ phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các khoản thuế trực thu và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào sử dụng, như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, thường được hạch toán vào hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt quá tiêu chuẩn hoạt động đánh giá ban đầu của tài sản, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

<u>Tài sản</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Máy móc và thiết bị	7
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

2.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo Chuẩn mực kế toán số 04 - "Tài sản cố định vô hình", ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 và Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực trên.

Phần mềm máy tính

Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 3 năm.

2.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh giá trị nhà xưởng và máy móc thiết bị chưa được hoàn thành việc xây dựng và lắp đặt và được thể hiện theo nguyên giá. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được trích khấu hao cho tới khi các tài sản đó hoàn thành và được đưa vào sử dụng.

2.9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khi thanh lý/nhượng bán bất động sản đầu tư, chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán.

Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

2.10. Các khoản đầu tư

a) Ghi nhận ban đầu các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư bao gồm quyền sở hữu các loại cổ phiếu, chứng khoán, các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết, công ty khác, trái phiếu và các khoản cho vay. Nguyên giá của các khoản đầu tư này được xác định theo giá trị đầu tư thực tế. Việc phân loại các khoản đầu tư này thành ngắn hạn (đến 1 năm) hay dài hạn (trên 1 năm) phụ thuộc vào thời gian thu hồi dự kiến của Công ty hoặc theo quy định của pháp luật cũng như các thỏa thuận ràng buộc giữa Công ty và bên nhận đầu tư.

b) Hạch toán các khoản đầu tư sau khi ghi nhận ban đầu

Các khoản cổ tức nhận được từ các khoản đầu tư vào cổ phiếu, chứng khoán, công ty con, công ty liên kết, công ty khác và lãi nhận được từ trái phiếu, các khoản cho vay sau ngày thực hiện các khoản đầu tư được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Tuy nhiên, từ năm 2010 các khoản cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được ghi nhận tăng số lượng cổ phiếu mà không hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

c) Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được trích lập nhằm phản ánh chênh lệch giảm giữa giá trị đầu tư theo sổ sách với giá trị thị trường tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Việc trích lập dự phòng được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành cho từng khoản đầu tư thuộc sở hữu của Công ty.

2.11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay gồm:

- (a) Lãi tiền vay ngắn hạn, lãi tiền vay dài hạn, kể cả lãi tiền vay trên các khoản thấu chi;
- (b) Phần phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội phát sinh liên quan đến những khoản vay do phát hành trái phiếu;
- (c) Phần phân bổ các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;
- (d) Chi phí tài chính của tài sản thuê tài chính.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó). Chi phí đi vay được vốn hóa khi Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Tài sản dở dang là tài sản đang trong quá trình đầu tư xây dựng và tài sản đang trong quá trình sản xuất cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán.

2.12. Chi phí chờ phân bổ và chi phí trả trước dài hạn

Chi phí chờ phân bổ được trình bày ở khoản mục chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản mục này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế dự kiến được tạo ra.

Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian 2 năm :

- Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn.

2.13. Các khoản phải trả người bán

Các khoản phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả cho nhà cung cấp tài sản, vật tư, hàng hóa, dịch vụ... được theo dõi chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Trong trường hợp vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận nhưng đến cuối kỳ vẫn chưa có hóa đơn thì kế toán sử dụng giá tạm tính để ghi sổ trị giá các khoản phải trả và hàng nhập chưa có hóa đơn này. Sau đó kế toán thực hiện điều chỉnh theo giá thực tế khi đã có hóa đơn.

Các khoản chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán của người bán được hạch toán tương ứng với khoản phải trả có liên quan để ghi giảm số nợ phải trả phát sinh ban đầu.

2.14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo phương pháp ghi nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán dựa trên số chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ với giá trị sổ sách của các khoản mục này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng trong năm tài chính mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả dựa trên mức thuế suất có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ thuế chưa sử dụng trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ tính thuế chưa sử dụng đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét vào ngày kết thúc năm tài chính và được giảm đến mức chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép sử dụng một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

2.15. Nguồn vốn chủ sở hữu

a) Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận trên cơ sở thực tế vốn góp.

b) Ghi nhận cổ tức

Các cổ tức trả cho các cổ phiếu ưu đãi phải hoàn trả được ghi nhận là một khoản nợ phải trả trên cơ sở dồn tích. Các cổ tức khác được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam. Cổ tức được công bố từ phần lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ sở hữu hợp pháp của từng cổ đông. Lợi tức chia cho các cổ đông hàng năm do kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh không vượt quá 70% lợi nhuận và không vượt quá 100% vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

c) Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế

Các quỹ của Công ty được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên đã được Hội đồng Quản trị thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2008 như sau:

▪ Quỹ khen thưởng	1 - 10%
▪ Quỹ phúc lợi	1 - 5%
▪ Quỹ đầu tư phát triển	1 - 15%
▪ Quỹ dự trữ tài chính	0 - 5%
▪ Quỹ dự phòng việc làm	0 - 5%
▪ Chia cổ tức cổ đông	5 - 70%
▪ Tăng vốn điều lệ đích danh	5 - 70%

Trích các quỹ từ lợi nhuận không vượt quá 30% lợi nhuận.

2.16. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được các chi phí đã được ghi nhận.

c) Tiền lãi, bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia

Tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ các giao dịch tương ứng và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.17. Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

2.18. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

2.19. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán niên độ kế toán

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán mà cung cấp thêm thông tin về tình hình tài chính của công ty tại ngày khóa sổ kế toán (“các sự kiện điều chỉnh”) được phản ánh trên báo cáo tài chính. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán không phải là các sự kiện điều chỉnh được trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính nếu trọng yếu.

2.20. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính này.

2.21. Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong các mẫu báo cáo của Hệ thống Kế toán Việt Nam không thể hiện trên các báo cáo tài chính thì được hiểu là có số dư bằng không.

Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Nội dung	31.12.2010	31.12.2009
Tiền mặt	47.525.485	29.307.339
Tiền gửi ngân hàng	777.501.874	846.600.413
Các khoản tương đương tiền - Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng	64.400.000.000	6.000.000.000
	65.225.027.359	6.875.907.752

4. Đầu tư ngắn hạn

Nội dung	Ghi chú	31.12.2010		31.12.2009	
		Số lượng	Giá trị đầu tư	Số lượng	Giá trị đầu tư
Cho vay			3.200.000.000		9.200.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á - Thái Bình Dương		-	3.000.000.000	-	7.500.000.000
Ông Trịnh Quang Thuận		-	-	-	1.500.000.000
Đối tượng khác		-	200.000.000	-	200.000.000
Đầu tư cổ phiếu, trái phiếu			10.623.842.000		47.230.052.675
Cổ phiếu Công ty Thương mại Dịch vụ và Xuất nhập khẩu Hải Phòng	OTC	100.000	1.130.000.000	100.000	1.130.000.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thép Đình Vũ	OTC	94.500	4.533.025.000	94.500	4.533.025.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á - Thái Bình Dương	HNX	93.350	2.987.200.000	93.350	2.987.200.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất Nhập khẩu FOODINCO	OTC	17.199	701.190.000	17.199	701.190.000
Cổ phiếu Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	HOSE	14.594	323.900.000	14.594	323.900.000
Cổ phiếu Công ty Cổ Phần Len Hà Đông	OTC	14.285	857.100.000	-	-
Cổ phiếu Ngân hàng Hàng Hải	OTC	8.482	84.820.000	-	-
Cổ phiếu khác	-	284	6.607.000	1.049.682	37.556.107.000
Các khoản đầu tư ngắn hạn khác			5.829.382.761		150.000.000
Ủy thác đầu tư Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á - Thái Bình Dương		-	150.000.000	-	150.000.000
Đầu tư khác		-	5.679.382.761	-	-
			19.653.224.761		56.581.422.000

5. Các khoản phải thu khác

Nội dung	31.12.2010	31.12.2009
Phải thu các cá nhân	6.770.858.366	6.871.257.353
Lãi phải thu các tổ chức	1.262.661.056	987.073.756
	8.033.519.422	7.858.331.109

Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

6. Tài sản ngắn hạn khác

Nội dung	31.12.2010	31.12.2009
Tạm ứng	23.115.131.066	7.011.722.566
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	11.282.766.200	12.200.000.000
	34.397.897.266	19.211.722.566

7. Tài sản cố định hữu hình

Nội dung	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	96.600.000	1.510.060.605	21.606.137	1.628.266.742
Tăng trong năm	12.000.000	27.300.000	11.263.636	50.563.636
<i>Trong đó:</i>				
<i>Mua mới</i>	12.000.000	27.300.000	11.263.636	50.563.636
Giảm trong năm	(96.600.000)	-	-	(96.600.000)
<i>Trong đó:</i>				
<i>Thanh lý</i>	(96.600.000)	-	-	(96.600.000)
Số dư cuối năm	12.000.000	1.537.360.605	32.869.773	1.582.230.378
Giá trị hao mòn				
Số dư đầu năm	36.660.505	148.902.450	7.202.040	192.764.995
Khấu hao trong năm	2.938.095	154.247.875	7.640.076	164.826.046
Giảm trong năm	(38.960.505)	-	-	(38.960.505)
Số dư cuối năm	638.095	303.150.325	14.842.116	318.630.536
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	59.939.495	1.361.158.155	14.404.097	1.435.501.747
Số dư cuối năm	11.361.905	1.234.210.280	18.027.657	1.263.599.842

8. Tài sản cố định vô hình

Nội dung	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	64.888.000	64.888.000
Tăng trong năm	-	-
Số dư cuối năm	64.888.000	64.888.000
Giá trị hao mòn		
Số dư đầu năm	46.541.653	46.541.653
Khấu hao trong năm	12.765.699	12.765.699
Số dư cuối năm	59.307.352	59.307.352
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	18.346.347	18.346.347
Số dư cuối năm	5.580.648	5.580.648

Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Nội dung	Số dư đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển giá trị đầu tư trong kỳ	Số dư cuối năm
KCN Nhân Hòa - Phương Liễu	41.889.171.196	1.319.234.646	(43.208.405.842)	-
KCN vừa và nhỏ Đa Hội - Bắc Ninh	511.209.364	948.397.109	-	1.459.606.473
Trung tâm TM Thái Nguyên	43.981.091	22.288.590.069	-	22.332.571.160
KCN Diềm Thụy	43.412.000	1.006.876.779	-	1.050.288.779
Các dự án khác	62.945.863	216.223.970	-	279.169.833
	42.550.719.514	25.779.322.573	(43.208.405.842)	25.121.636.245

10. Đầu tư vào công ty con

Tên công ty	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư	
		31.12.2010	31.12.2009
Công ty Cổ phần APEC Thái Nguyên	100%	10.984.592.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương - Bắc Ninh	100%	3.176.724.000	-
Công ty Cổ phần Vàng Châu Á - Thái Bình Dương	-	-	4.240.000.000
		14.161.316.000	4.240.000.000

11. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư	
		31.12.2010	31.12.2009
Công ty Cổ phần Khoáng sản Châu Á - Thái Bình Dương	49%	4.902.004.000	3.826.900.000
Ban quản lý Trường Đại học Tư thục Đông Nam Á	23%	575.000.000	575.000.000
		5.477.004.000	4.401.900.000

12. Đầu tư dài hạn khác

Nội dung	Ghi chú	31.12.2010	31.12.2009
Dự án thủy điện Nậm Lừm	-	-	14.700.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Hà Nội	OTC	45.534.300.000	32.984.900.000
Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh nhà	-	-	9.837.000.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nam Dược	OTC	6.500.000.000	6.500.000.000
Công ty Cổ phần INLACO SAIGON	OTC	36.986.367.000	36.986.267.000
		89.020.667.000	86.322.867.000

13. Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước

Nội dung	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư cuối năm
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ				
Thuế giá trị gia tăng đầu vào	494.583.971	1.096.027.984	(165.781.029)	1.424.830.926
	494.583.971	1.096.027.984	(165.781.029)	1.424.830.926
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	29.391.840	(29.391.840)	-
Thuế thu nhập cá nhân	29.873.987	232.104.845	(205.228.484)	56.750.348
Các loại thuế khác	-	6.000.000	(3.000.000)	3.000.000
	29.873.987	267.496.685	(237.620.324)	59.750.348

Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

13.1. Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật hiện hành

13.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

a) Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Nội dung	2010	2009
Lợi nhuận thuần trước thuế	25.680.342.819	6.103.492.860
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận	-	-
Các khoản phạt	566.268.237	-
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.198.035.400)	(2.133.206.800)
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế	25.048.575.656	3.970.286.060
Lỗi năm trước chuyển sang	25.048.575.656	(3.970.286.060)
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả ước tính	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả đầu năm	-	4.375.122.535
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu/(thừa) năm trước	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả trong năm	-	(4.375.122.535)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả cuối năm	-	-

b) Chuyển lỗ từ các năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có khoản lỗ lũy kế là: 95.141.582.937 VND có thể được bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai.

Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Lỗ tính thuế	Lũy kế chuyển lỗ đến ngày 31.12.2010	Số lỗ không được chuyển	Số lỗ chưa chuyển tại ngày 31.12.2010
2008	99.111.868.997	(29.018.861.716)	-	70.093.007.281
	99.111.868.997	(29.018.861.716)	-	70.093.007.281

13.3. Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định của pháp luật hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

14. Các khoản phải trả phải nộp khác

Nội dung	31.12.2010	31.12.2009
Bảo hiểm xã hội	87.064.180	23.578.985
Bảo hiểm y tế	8.287.750	-
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	-	5.600.000.000
Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	115.919.238	43.689.200
	211.271.168	5.667.268.185

15. Vốn chủ sở hữu

15.1. Tình hình biến động nguồn vốn chủ sở hữu trong năm như sau

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lỗ lũy kế	Tổng cộng
Số dư 1.1.2009	264.000.000.000	48.496.600.000	1.268.874.614	24.751.612	(98.737.442.620)	215.052.783.606
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	6.103.492.860	6.103.492.860
Số dư 31.12.2009	264.000.000.000	48.496.600.000	1.268.874.614	24.751.612	(92.633.949.760)	221.156.276.466
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	25.680.342.819	25.680.342.819
Số dư 31.12.2010	264.000.000.000	48.496.600.000	1.268.874.614	24.751.612	(66.953.606.941)	246.836.619.285

15.2. Tình hình biến động vốn cổ phần trong năm như sau

Nội dung	2010	2009
Vốn cổ phần đầu năm	264.000.000.000	264.000.000.000
Vốn cổ phần tăng trong năm	-	-
Vốn cổ phần cuối năm	264.000.000.000	264.000.000.000
Cổ tức lợi nhuận đã chia	-	-

15.3. Cổ phiếu

Nội dung	31.12.2010	31.12.2009
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.000.000	50.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	26.400.000	26.400.000
Cổ phiếu thường	26.400.000	26.400.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.400.000	26.400.000
Cổ phiếu thường	26.400.000	26.400.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Toàn bộ số cổ phiếu của Công ty hiện nay đang được giao dịch trên sàn HNX.

Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

16. Doanh thu hoạt động tài chính

Nội dung	2010	2009
Lãi đầu tư chứng khoán	2.179.083.828	14.447.828.000
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.457.993.343	4.009.792.679
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.198.035.400	2.133.206.800
Lãi đầu tư góp vốn bất động sản	-	2.744.970.000
	13.835.112.571	23.335.797.479

17. Chi phí tài chính

Nội dung	2010	2009
Lỗ đầu tư liên doanh	7.481.416.000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	-	6.069.995.000
Lỗ đầu tư chứng khoán	-	5.791.920.000
Hoàn nhập dự phòng	-	(38.784.000)
Chi phí tài chính khác	137.180.621	27.544.656
	7.618.596.621	11.850.675.656

18. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Nội dung	2010	2009
Chi phí nhân viên quản lý	3.905.172.893	1.955.878.801
Chi phí đồ dùng văn phòng	7.583.348	327.110.544
Chi phí khấu hao	164.826.046	112.184.953
Thuế, phí và lệ phí	113.982.903	151.775.241
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.024.382.033	778.281.172
Chi phí khác	1.782.587.905	1.702.293.782
	6.998.535.128	5.027.524.493

19. Thu nhập khác

Nội dung	2010	2009
Thu nhập từ chuyển nhượng dự án	26.842.775.487	-
Thu từ cho thuê lại văn phòng	251.191.101	-
Thu từ thanh lý	42.727.273	19.638.364
Thu nhập khác	720.100	-
	27.137.413.961	19.638.364

Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

20. Chi phí khác

Nội dung	2010	2009
Nộp phạt thuế	566.268.237	366.895.334
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	57.602.398	-
Chi phí khác	51.181.329	6.847.500
	675.051.964	373.742.834

21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Nội dung	2010	2009
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông phổ thông		
- Lợi nhuận thuần trong năm	25.680.342.819	6.103.492.860
- Cổ tức chia cho cổ phần ưu đãi	-	-
Lợi nhuận thuần chia cho cổ đông phổ thông	25.680.342.819	6.103.492.860
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân trong năm		
- Số lượng cổ phiếu đầu năm	26.400.000	26.400.000
- Số lượng cổ phiếu bình quân phát hành trong năm	-	-
- Số lượng cổ phiếu bình quân mua lại trong năm	-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân trong năm	26.400.000	26.400.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	973	231

22. Giao dịch với các bên liên quan

23.1. Các giao dịch trọng yếu trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Giá trị
Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á - Thái Bình Dương	Công ty liên kết	Cho vay Lãi vay	42.090.265.440 1.172.582.299
Công ty TNHH Châu Á - Thái Bình Dương - Bắc Ninh	Công ty con	Góp vốn	3.176.724.000
Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Thái Nguyên	Công ty con	Góp vốn	10.984.592.000

23.1. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Phải thu
Đầu tư ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á - Thái Bình Dương	Công ty liên kết	3.000.000.000
Phải thu khác		
Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á - Thái Bình Dương	Công ty liên kết	678.500.000

Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

23. Phê chuẩn báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính này được phê chuẩn để phát hành ngày 18 tháng 2 năm 2011.

NGUYỄN DUY KHANH
Tổng Giám đốc

NGUYỄN VĂN HIẾU
Kế toán trưởng